

Số: 12/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;

Địa chỉ nơi thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1985;

Địa chỉ nơi thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2025,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy H1, sinh ngày 14/4/2009; Nguyễn Ứng T1, sinh ngày 08/5/2013 và Nguyễn Hà M, sinh ngày 18/12/2019;

Hai bên thoả thuận: Sau khi ly hôn, giao các con Nguyễn Thị Thúy H1, Nguyễn Ứng T1 và Nguyễn Hà M cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 02/2025 cho cả ba con cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; anh H phải chịu 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; chị T thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ cho anh H. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004018, ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND phường Long Bình, TP Biên Hoà (GCNKH số 412/2008);
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trần Thị Nam**